

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thanh Hiền

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 558/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lục Thị Thùy L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/138 H, phường, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 32 ngách 24 Tổ 02 Xóm Trung, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/138 H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Đội 29, phân trại 2 T Cái, xã P, huyện B, tỉnh N; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lục Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/12/2009; đến nay có 02 con

chung là Nguyễn Ngọc Lâm, sinh ngày 12/5/2010 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/8/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp về tính cách, anh T không có trách nhiệm với gia đình, mãi mê chơi bời, đi sớm về khuya, không quan tâm đến vợ con, không lo xây dựng kinh tế gia đình, thường xảy ra xung đột, va chạm lẫn nhau, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi; hơn nữa, anh T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó, tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, xa cách, không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề, mất đi tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã khuyên giải và vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn những rạn nứt nhưng không có kết quả, từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Đến năm 2021 anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 10 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, hiện đang phải chấp hành án tại Đội 29, phân trại 2 Trại Giam S, xã P, huyện B, tỉnh N; kể từ đó, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị L nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2023, bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Quá trình vợ chồng kết hôn và có hai con chung như chị L trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng nhau về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Đến ngày 18/11/2020 anh phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và đã bị kết án 10 năm tù; trong thời gian anh chấp hành án, vợ chồng không liên lạc, không nói chuyện với nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không có hướng giải quyết, tình cảm không thể gắn kết được nên chị L có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang phải chấp hành án tại Đội 29, phân trại 2 Trại Giam S, xã P, huyện B, tỉnh N nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy anh đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp; những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng

dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Lục Thị Thùy L và anh Nguyễn Tuấn A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố Hải Phòng vào năm 2009 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2018, không quan tâm đến nhau về mọi mặt; hiện anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng càng xa cách. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; xử cho chị Lục Thị Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A; về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/5/2010 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Lục Thị Thùy L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn A là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận L, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Lục Thị Thùy L và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2009 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách và cách xây dựng kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau về tình cảm nên đã sống ly thân từ năm 2018; đến năm 2021 anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù thì tình cảm vợ chồng càng xa cách hơn. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân

giữa anh T và chị L tại gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi sớm về khuya và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; hơn nữa, lại có lối sống không lành mạnh nên đã vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù; gia đình hai bên đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Nguyễn Tuấn A đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; xử cho chị Lục Thị Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Lâm, sinh ngày 12/5/2010 và Nguyễn Gia Phong, sinh ngày 10/8/2012, chị L đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai con chung đều ở cùng chị L, có cuộc sống ổn định nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với đề nghị của anh T và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị Thùy L và anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Lâm, sinh ngày 12/5/2010 và Nguyễn Gia Phong, sinh ngày 10/8/2012; ly hôn, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này chị L đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo Biên lai thu tiền số 0005385 ngày 27 tháng 10 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường An Biên, quận L, TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

